

ỨNG XỬ XÃ HỘI TRONG ĂN UỐNG CỦA NGƯỜI TÀY

MA NGỌC DUNG

Ăn uống là một phần quan trọng trong các hoạt động sinh tồn của loài người. Ngoài việc nuôi dưỡng con người, nó còn gắn liền với các hoạt động văn hoá. Mỗi dân tộc, mỗi địa phương đều có những tập quán ăn uống riêng. Với người Tày, tập quán ăn uống của họ mang đặc tính của cư dân vùng thung lũng và phản ánh đặc trưng văn hoá tộc người, nhất là khía cạnh ứng xử trong ăn uống. Vì vậy, nghiên cứu ứng xử xã hội trong ăn uống của họ sẽ góp phần hiểu biết về văn hoá của tộc người này.

Bài viết này sẽ đề cập đến 3 khía cạnh liên quan đến ứng xử xã hội trong ăn uống của người Tày: ứng xử trong gia đình, trong cộng đồng và trong đời sống tâm linh.



1. Ứng xử ăn uống trong gia đình

Trong bữa ăn hàng ngày của người Tày, mâm cơm thường để ở chính giữa nhà, phía trên của bếp sinh hoạt. Về mùa hè, họ thường để mâm ăn ngay khu vực tiếp khách, cạnh cửa sổ chính. Gia đình truyền thống của người Tày thường có 6-7 người, gồm 3 thế hệ (ông bà, cha mẹ, con cái). Nếu ông bà còn khoẻ, có thể cùng ngồi ăn chung với gia đình thì người ta sắp đặt vị trí ngồi ăn theo thứ tự từ ông - bà; cha - mẹ, con cái, tính từ phía cửa sổ trở xuống. Nồi cơm đặt phía dưới (hướng bếp). Mâm cơm làm bằng gỗ hình tròn, trong mâm bày các bát, đĩa thức ăn dùng chung; giữa mâm để bát nước chấm hoặc một đĩa muối ớt. Một số gia đình để cạnh mâm một lọ ớt ngâm và một bát nhỏ đựng ớt dành cho người cao tuổi thích ăn cay. Người Tày ăn cơm bằng đũa, bát ăn cơm riêng và thìa ăn canh riêng. Cơm để trong nồi, xới bằng một đôi đũa cả (*dảm*). Những người ngồi quanh nồi thường là người nội trợ (mẹ) hoặc con gái để làm nhiệm vụ xới cơm hoặc thêm canh rau. Đó là trách nhiệm được coi là vất vả nhất trong bữa ăn mà người phụ nữ, người nội trợ vẫn phải đảm nhiệm. Tục ngữ Tày có câu *Xấu quan khổ, xấu mỏ miềm* (Gần quan thì khó nhọc, cạnh nồi thịt thì nhọ nhem), có ý nghĩa so sánh giữa công việc phục vụ quan lại với việc bếp núc, phục vụ bữa ăn. Nếu trong nhà có người già yếu thì chủ nhà bố trí cho ngồi ăn riêng ở cạnh bếp hoặc tại nơi nằm nghỉ hàng ngày. Những người già và trẻ nhỏ có thể ngồi ăn một cách bình đẳng, không phân biệt vị trí và nhiệm vụ. Nếu gia đình mới cưới con dâu, cháu dâu thì họ tự nhận thức trách nhiệm của mình trong bữa ăn để thể hiện là dâu hiền chứ không có quy định bắt buộc. Tuy nhiên, những nề nếp gia phong theo lối sống Nho giáo từ xưa đã thấm sâu vào ý thức của nhiều gia đình, nhất là

những gia đình trung lưu, phú quý hoặc gia giáo. Vì thế mỗi thành viên trong gia đình tự ý thức được bổn phận cũng như trách nhiệm của mình trong cuộc sống hàng ngày. Đặc biệt, gia đình người Tày, trước bữa cơm, họ có ý thức chờ đợi nhau, ít khi ăn trước nếu còn thiếu người. Câu tục ngữ *Slíp tua ma thá ăn an* (Mười con ngựa chờ đợi 1 cái yên) hàm nghĩa là đã ngồi quanh mâm thì mười người, còn thiếu một người vẫn phải chờ đợi. Điều đó nói lên tính cộng đồng, cộng cảm trong ăn uống của đồng bào.

Đối với người Tày, ứng xử trong ăn uống của mỗi gia đình còn là ý thức về sự nhường nhịn. Họ luôn dành sự ưu tiên cho người cao tuổi, trẻ nhỏ, người ốm đau, phụ nữ đang ở cữ hay có mang. Những đối tượng trên được gia đình dành riêng khẩu phần tốt hơn như nấu cơm riêng, thức ăn riêng. Người cao tuổi ăn thức ăn mềm, ít lượng, tăng chất bổ. Người Tày có tục ngữ: *Cần ké kin khẩu khao, lục slao kin khẩu xáo, lục báo kin khẩu pay* (Người già ăn gạo trắng, con gái ăn gạo giã dối, con trai ăn gạo xay) để nói lên một đạo lý là dành phần ngon cho người già. Trẻ em được nhường phần thịt. Nếu là ngày bình thường, khi công việc còn bẽ bộn, bữa ăn còn đạm bạc thì người ta thường ăn một cách qua quýt cho xong, nhất là với đàn ông khi công việc nào đó đang dở dang. Những lúc như vậy, tính cộng cảm càng lớn lao: Người vợ, người con thường nhường phần cho người chồng, người cha. Họ chăm lo cho miếng ăn, giấc ngủ của người chủ nhà bởi đó là trụ cột mọi mặt của gia đình. Với người đàn ông, họ thường “có gì ăn nấy”, “không còn gạo thì ăn khoai, ăn sắn”, “hết canh rau thì ăn măng chua, ăn mẻ”; còn đàn bà hầu như tự đảm nhận lo toan cái ăn hàng ngày như là một phận sự. Vì thế vai trò của phụ nữ trong gia đình rất quan trọng, bởi họ trực tiếp lo toan cái ăn hàng ngày.

Trong ăn uống của gia đình, người Tày cũng có những kiêng kỵ, chẳng hạn: Người đẻ kiêng kỵ

các loại thịt trâu, bò, ngựa, cá không vảy, cá chép có ria và các loại thịt thú rừng. Trẻ em kiêng ăn quả cật của gà (*mác lộn lim*) vì họ cho rằng ăn quả cật sẽ dốt nát, hay quên; kiêng ăn chân gà vì nếu ăn vào thì viết chữ sẽ xấu như gà bới; kiêng ăn móng vì nếu ăn thì không đi qua cầu được; kiêng chan canh ốc vì sợ tròn như con ốc. Trẻ em và phụ nữ không nói chuyện khi ăn vì sợ mất vệ sinh và không ý tứ. Nồi cơm phải luôn đậy vung kín để giữ cơm nóng. Đùi dũa cả để trong nồi, quay ra phía sau, tuyệt đối không được quay vào mâm hay quay về phía người đang ngồi ăn vì như thế sẽ làm cho người ăn bị ghen hay đau bụng. Khi ăn, không ai được gõ dũa hay gõ dũa cả vì như thế là gọi ma v.v...

2. Ứng xử ăn uống trong cộng đồng làng bản

Ăn uống mang tính cộng đồng của người Tày được biểu hiện qua các hoạt động: tết, lễ, tiếp khách, kết bạn...

Người Tày có nhiều lễ hội khác nhau như: cưới xin, sinh nhật, tang ma, giỗ chạp, lễ ăn cơm mới, lễ ăn mừng nhà mới, hội xuống đồng (*lông tông*), các ngày tết (Tết nguyên đán (*bươn chiêng, kin chiêng*), tết 30 tháng giêng (*dấp nọi*), tết mồng 3 tháng 3 (*so slam bươn slam*) tào mộ, tết mồng 5 tháng 5 (*so há bươn há*), tết rằm tháng bảy (*síp há bươn chát*), tết rằm tháng tám (*síp há bươn pét*), tết mồng 9 tháng 9 (*so cầu bươn cầu*), tết mồng 10 tháng 10 (*so slíp bươn slíp*) (Hoàng Quyết, Ma Khánh Bằng, 1993). Ngoài ra ở một số địa phương khác còn ăn thêm một vài tết nữa, như ở miền đông Cao Bằng có tết mồng 6 tháng 6 (*so hốc bươn hốc*) (Đoàn Lư, 1997)...Mỗi lễ hội và tết đều có cách thức tổ chức, có nội dung, ý nghĩa và mục đích khác nhau, nhưng điểm chung là tất cả các lễ hội đều tổ chức ăn uống. Ăn uống trong lễ hội cũng khác hẳn so với ăn uống hàng ngày vì phải tuân theo luật tục.

Khi trong bản có gia đình nào làm nhà, đám cưới, giỗ chạp và nhất là đám ma, các gia đình trong bản đó phải cử 1-2 người đến giúp. Những gia đình neo đơn, khó khăn, sức yếu, tuổi cao...cũng đến để chia vui, chia buồn cho phải đạo. Nếu ai có sức khoẻ hay được mời mà không đến sẽ bị hàng xóm chê cười, trách móc.

Xuất phát từ mối quan hệ cộng đồng làng bản mật thiết, đồng bào Tày xác định việc đóng góp là nghĩa vụ và là quyền lợi của mỗi gia đình. Không ai bảo ai, khi trong bản, gia đình nào có việc, ngoài phần gia đình tự lo là chính thì các gia đình khác đều tự nguyện đem vật chất đến để tham gia vào công việc. Mỗi công việc khác nhau, sự đóng góp đều mang ý nghĩa khác nhau và hình thức cũng khác nhau, mặc dù vẫn là ống gạo, con gà, chai rượu...(Triều Ân, Hoàng Quyết, 1995). Đóng góp đám cưới có ý nghĩa là mừng hạnh phúc (trừ trường hợp vay lợn, gà, gạo, rượu); góp vào đám ma để phúng viếng, tùy theo quan hệ thân tộc như thế nào hay quan hệ hàng xóm láng giềng, nhưng thông thường có thịt lợn, gà nhỏ, gạo nếp, rượu, bánh dầy, bánh chay; còn đám góp giỗ thì tùy theo quan hệ của từng người và tùy theo loại giỗ nào (giỗ 40, giỗ 1 năm, giỗ 3 năm). Việc làm nhà với ý nghĩa là giúp nhau, tùy theo điều kiện của từng người nhưng thông thường chỉ là sự giúp đỡ của anh em trong dòng tộc, thông gia hoặc bạn đồng niên.

Những đóng góp như vậy cứ lần lượt; gia đình nào cũng phải trải qua bởi vì nhà nào cũng phải có cưới xin, ma chay, giỗ chạp, làm nhà. Nhà khác có việc, mình giúp một sau này đến lượt nhà mình sẽ được 10. Như thế, đóng góp vừa là nghĩa vụ, vừa là quyền lợi của họ. Đó còn là một sợi dây vô hình cố kết cộng đồng làng bản rất bền vững của người Tày.

Người Tày cũng có quan niệm “Một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp” như người Việt.

Họ tự cảm thấy nếu có miếng ăn ngon mà không khao làng là ti tiện, hoặc người được ăn thì cảm nhận ăn một miếng với nhau còn ngon hơn nhiều so với ăn thật no một mình. Những “miếng khao” nhau tùy theo đặc điểm, tính chất từng vùng nhưng chung quy đó là các sản vật: Vùng biển ở người Việt là cá (Trần Quốc Vương, Nguyễn Thị Bầy, 1999), tôm, cua biển ... thuộc loại đặc sản; còn ở miền núi là các loại sản vật như thịt thú rừng, lâm thổ sản (hoa quả, măng, nấm, ong ...). Chia sản phẩm săn bắn (loại thú lớn như hươu, nai, gấu, hổ, lợn rừng...) là một điển hình về cách phân phối của người Tày (Hoàng Quyết, Ma Khánh Bằng, 1993). Khi đi săn tập thể hay săn một mình được thú lớn, người ta gỡ mỡ huy động thanh niên trong bản đi khiêng về giữa bản để xả thịt chia nhau. Nguyên tắc chia như sau: người nào trực tiếp săn bắn trúng hoặc bẫy được con thú đó thì được đầu và 4 đùi; nếu nhiều người cùng bắn trúng thì chia lại đầu và 4 đùi. Số thịt còn lại chia cho các thành viên cùng tham gia đi săn hoặc đi khiêng. Bộ lòng và một số thịt sẽ khao bản một bữa trong đêm đi săn về. Nếu là thú quý, bộ xương và da được dành cho những người trực tiếp bắn trúng và những người đứng ra tổ chức đi săn. Riêng những người cao tuổi trong bản đều được chia phần thịt ngon mặc dù gia đình có tham gia đi săn hay không. Còn đối với các sản vật khác như tổ ong, hoa quả rừng, măng nấm..., khi một gia đình nào đó phát hiện nhiều tổ ong lớn ... thì người ta cùng tổ chức vài người trong bản cùng đi khai thác. Sản phẩm đem về chia cho mỗi nhà một ít hoặc chế biến cùng ăn khao bản một bữa. Một hình thức phân chia khác là một gia đình nào đó tổ chức làm bánh trái, cơm lam, thu hoạch hoa quả ... nằm ngoài kế hoạch, phong tục tập quán chung của bản thì sau khi chế biến xong, gia đình cũng đem một ít sản phẩm sang nhà hàng xóm để biếu, nhất là biếu nhà trưởng tộc, trưởng bản và những người cao tuổi.

Ăn uống tập thể là một hình thức ăn *cộng cảm* rất phổ biến của đồng bào Tày ở mọi nơi. Đặc điểm của người đàn ông Tày là không hay ngồi uống rượu nhâm nhi một mình mà chỉ uống khi có bạn bè, hàng xóm nên tiệc rượu của họ như buổi sinh hoạt văn hoá. Để có những bữa ăn cộng cảm, thường người ta tự đến giúp nhau trong dịp tết, lễ, đình đám, cưới xin, giỗ chạp; sau cuộc săn bắn, thu hoạch mùa màng, thu hoạch đặc sản và hỗ trợ, giúp đỡ, đổi công khi một gia đình có việc lớn như làm nhà, dẫn cột, phát nương... Những bữa ăn cộng cảm của người Tày cũng có nhiều hình thức khác nhau, nhiều cách ứng xử khác nhau. Nếu là ăn cộng cảm trong dịp họp mặt gia đình mang tính huyết thống thì ứng xử theo lối có tôn ti trật tự, có trên có dưới: mâm dành cho gốc họ, trưởng họ, ngành trên (không phân biệt theo lứa tuổi); mâm phụ nữ, con trẻ riêng. Nếu là ăn trong dịp khách hàng xóm, bạn bè đến thăm thì mâm cỗ được xếp theo lứa tuổi. Nếu là ngày lễ, ngày hiếu, hỷ thì phân biệt từng đối tượng tương ứng mà xử sự khác nhau. Rượu là một chất xúc tác chính cho mọi cuộc gặp mặt ăn uống, là thức uống cơ bản trong bữa ăn cộng cảm, kể cả cho phụ nữ, thanh - thiếu niên. Tuy nhiên qua mỗi đối tượng, dựa vào mỗi tính chất của bữa tiệc mà người ta có thể thể hiện khác nhau. Nếu là đám cưới thì tình cảm của hết thảy mọi người hướng về dâu - rể và bố mẹ dâu - rể; nếu là về nhà mới thì chúc mừng cho chủ nhà; nếu là lễ thượng thọ thì hướng về người được chúc; nếu là ngày tết thì chúc nhau những gì tốt đẹp trong tương lai ... Riêng đối với thanh niên và lớp trung niên người Tày, hình thức uống rượu rất đa dạng. Ngoài việc chúc tụng nhau, người ta còn biến nó thành buổi sinh hoạt văn hóa và có thể kéo dài hàng đêm, thậm chí 2,3 ngày khi rỗi rãi. Tuy nội dung cơ bản trong các bữa ăn cộng cảm của tất cả các nhóm địa phương đều mang ý nghĩa như nhau song cách uống rượu và cách ăn cũng có nét khác nhau. Người Tày ở Bắc Kạn, Thái

Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang thì uống rượu bằng chén, mời nhau hoặc ép nhau thông qua lời nói, lời khích lệ, ít ồn ào. Ở Lạng Sơn thì uống bằng bát, bằng ống tre, trao truyền tay nhau. Còn ở Cao Bằng thì hình thức uống rượu thật đa dạng: Có khi uống bằng chén, có khi uống bằng bát, có khi lại uống bằng thìa canh... Họ đưa tay sang nhau, uống tráo chén để thể hiện sự mặn nồng, chân thật trong chén rượu. Sở dĩ có tục uống tráo chén vì theo truyền khẩu kể rằng, ở Cao Bằng trước đây có một số người làm nghề thuốc gia truyền. Theo hủ tục, cứ mỗi năm phải bỏ thuốc độc giết một mạng người thì thuốc gia truyền mới hiệu nghiệm và không phản lại chủ. Vì thế những người này hay lợi dụng các bữa rượu để bỏ thuốc độc. Ngày nay, tục lệ lạc hậu đó vẫn có dư âm xấu, nên khi uống rượu, để bỏ mặc cảm này, chủ nhà thường tráo chén với khách để thể hiện rằng chén rượu không có thuốc độc. Họ lồng ghép việc uống rượu với các hoạt động khác như chơi *lầy cỏ*, một hình thức giống như trò chơi “oản tù tì” của người Việt để phân thắng bại, quy định mức độ uống rượu. Có khi họ uống rượu kết hợp với hát lượn, đọc thơ tình *phong slut*, đối đáp nam nữ để phân thắng bại mà thưởng phạt. Thông qua bữa ăn cộng cảm, qua chén rượu, tình cảm giữa con người với con người ngày càng thêm gắn bó, hiểu biết nhau. Có khi qua chén rượu ngày hội xuân, nhiều cặp trai gái thành đôi thành lứa...

Đối với bạn bè, người Tày luôn có thái độ hiếu khách, mặc dù bữa ăn có thể rất đạm bạc. Chủ nhà bao giờ cũng là người vốn vĩa, mời mọc, người vợ phải là người đảm đang để làm cơm cho chồng tiếp khách, dù khách của chồng hay của mình. Nếu khách từ chối không ăn cơm thì gia đình sẽ cảm thấy không bình thường, người khách nào vui vẻ nhận lời thì đó là điều may mắn, gặp khách quen xởi lởi là có phúc. Vì vậy trong bữa ăn tiếp khách đột xuất, mặc dù nghèo không có thịt, cá

nhưng gia đình vẫn có rượu để uống. Trong những bữa rượu tiếp khách như thế, chủ nhà thường khiêm tốn nói: *Ám khéc, pét ám chúa rườn* (Một miếng khách thì tám miếng chủ nhà) để nói rằng khách ăn không đáng là bao, chỉ có gia đình là chính. Khác với cách tiếp khách của người Việt, người Tày luôn nhường khách ăn trước: *Khéc cón, chúa lǎng* (Tiên khách hậu chủ). Trong cách ứng xử với xã hội về 2 phương diện ăn và ở thì người Tày sẵn lòng rộng lượng đối với cái ăn cho người khác hơn là cho ở (*Xo kin mớic quǎng, xo dú khoáng rườn* (Xin ăn thì sẵn lòng, xin ở thì vương nhà)).

Người Tày từ xưa vốn có tục kết nghĩa anh em hoặc kết nghĩa đồng niên (*lao tổng*), trên cơ sở xuất phát từ tình bạn, nhất là ở nam giới. Khi bước vào tuổi trưởng thành, mỗi người nam giới đều tìm được cho mình một người bạn cùng tuổi, tri kỷ, hợp nhau về mọi phương diện. Việc kết nghĩa *lao tổng* xuất phát từ ý thức cộng đồng của mỗi người. Họ dựa vào nhau để cùng làm ăn, cùng xây dựng, cùng no cùng đói. Nếu người nào không có bạn *lao tổng* là điều rất xấu hổ, là “trái tính trái nết” không ai ưa. Vậy, kết nghĩa *lao tổng* là nhu cầu của mỗi người (nam giới) trong xã hội Tày. Để đánh dấu sự kiện trọng đại này, họ phải tổ chức một bữa ăn đơn giản nhưng hết sức ý nghĩa trong 2 gia đình và cả dòng tộc 3 đời. Mỗi địa phương, mỗi gia đình và mỗi con người có cách tổ chức khác nhau, như tổ chức linh đình mời họ hàng, hàng xóm đến chứng kiến; mời ông bà, bố mẹ đến nhận làm con đồng niên (*lục tổng*); có người chỉ tổ chức trong nhà riêng; có người sắp mâm cỗ ăn uống; có người sắp mâm cúng trình tổ tiên; có người cất tiết gà uống máu ăn thề... Song tất cả đều mang ý nghĩa là trình báo, thề thốt. Ngoại trừ bữa phúng trong đám ma và bữa trình họ trong đám cưới, cách ăn uống đó là

biểu hiện của bữa ăn cộng cảm cao nhất, thiêng liêng nhất.

3. Ứng xử ăn uống trong đời sống tâm linh

Người Tày có quan niệm vạn vật hữu linh (Hoàng Ngọc La, Hoàng Hoa Toàn, Vũ Anh Tuấn, 2002), quan niệm về thần thánh, ma quỷ. Thế giới tâm linh là ảo ảnh của thế giới trần gian (tức là cõi âm, trái với cõi dương của người trần). Theo họ, giữa người sống với các thần linh cũng có những mối quan hệ nhất định. Mối quan hệ đó được thể hiện thông qua những nghi lễ thờ cúng, trong đó, lễ vật dâng cúng là phần quan trọng nhất. Đồng bào quan niệm rằng, các loại thần thánh, ma quỷ cũng có nhu cầu ăn, mặc, ở... và cũng có tình cảm, có oán giận... Ma quỷ có thể trả thù, gây hại nếu ai đó xử sự không công bằng với chúng. Vì vậy con người có nghĩa vụ chia sẻ vật chất, thể hiện sự quan tâm, tình cảm đối với người đã chết hoặc cống nạp để cầu may, cầu phúc, cầu mùa... Những lễ nghi này mang tính chất tín ngưỡng dân gian. Trong hệ thống thần linh, ma quỷ được chia ra làm nhiều loại: Thiên thần (Ngọc Hoàng, Phật, các loại thần nông, thần sông, thần rừng...); nhân thần (ma tổ tiên, thành hoàng) và tà thần (các loại hồn ma lang thang gây hại). Mỗi loại thần linh, ma quỷ có nhu cầu vật chất riêng, do đó, con người cũng phải theo đó mà cúng. Các mâm cúng, cả về vật cúng và cách thức cúng cũng khác nhau. Ví dụ: Trong lễ hội lồng tồng, người ta làm các mâm cỗ lớn gồm các loại sản vật ngon của ngày tết như bánh trái, thịt lợn, thịt gà... cúng thần nông, thần sông, trời đất để cầu mùa màng, mưa thuận, gió hoà, cầu phúc và sức khoẻ cho mọi người trong làng bản của mình. Trong các ngày thực hiện lễ thức nông nghiệp như cấy lúa, làm cỏ, thu hoạch ... người ta cúng Thần Nông, cúng trời đất để cầu mùa và tạ ơn bằng một mâm cơm với các sản vật từ nông nghiệp, thể hiện

thành quả lao động và tạ ơn các vị thần. Các ngày tết, người ta cúng tổ tiên, cúng thần thánh và cúng các loại ma lang thang để cầu yên, cầu phúc, cầu may với lễ vật đơn giản hơn như cơm, thịt, rượu và một số sản vật. Các ngày lễ làm nhà, vào nhà mới hay cưới xin, kết bạn, người ta cũng đều có mâm cúng thần thổ địa, cúng tổ tiên ... để được phù hộ. Còn trong tang ma, giỗ chạp, ngoài việc cúng tế bằng sản vật theo quy định như rượu, thịt, rau rừng...thì tùy thuộc sở thích của người chết mà cúng tế: Khi còn sống, người ta thích món gì, kiêng món gì thì khi chết cũng lưu ý những đặc điểm đó để cúng v.v...

Nhìn chung những biểu hiện về tín ngưỡng trong ăn uống của người Tày cho thấy sự ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của tam giáo (Nho giáo, Phật giáo và Lão giáo) nhưng nhạt hơn rất nhiều so với các cư dân có tôn giáo chính thống, đặc biệt là Phật giáo.

Tóm lại, ứng xử xã hội trong tập quán ăn uống của người Tày được thể hiện trong các bữa ăn thường ngày, tết lễ, hội hè, đình đám và trong lễ thức tín ngưỡng... Mỗi dạng ăn uống có đặc điểm khác nhau, nghi thức tiến hành khác nhau. Qua ứng xử xã hội trong ăn uống, thể hiện tác phong, đạo đức, cá tính và vị thế của mỗi con người...

Ứng xử xã hội trong tập quán ăn uống của người Tày có ý nghĩa nhân văn sâu sắc bởi trong đó mang nặng tính cộng đồng, cộng cảm. Tính cộng đồng, cộng cảm được thể hiện qua các hình thức làm chung, góp chung và ăn chung. Thông qua những điều chung đó, người ta dễ dàng hiểu nhau hơn, thông cảm cho nhau và đùm bọc nhau. Đạo đức trong ăn uống của người Tày là đạo đức của cư dân nông nghiệp. Đó là tính cộng đồng làng xóm, họ hàng và bạn bè; là mối quan hệ "tối lửa tắt đèn có nhau". Ứng xử xã hội trong ăn uống của người Tày còn phản ánh một phân đời sống

tâm linh, thể hiện nhân sinh quan, thế giới quan và những quan niệm về thế giới "bên kia" của tổ tiên, thế giới hồn ma, thần thánh... Như vậy, ở mức độ rộng hơn, ứng xử xã hội trong ăn uống của họ đã thể hiện văn hoá tộc người một cách sâu sắc.

Tài liệu tham khảo

1. Triều Ân, Hoàng Quyết, 1995. *Tục cưới xin người Tày*. NXB Văn hoá dân tộc, H.
2. Toan Ánh, 1998. *Phong tục Việt Nam*. Nxb Đồng Tháp,
3. Nguyễn Thị Bầy, 2004. *Văn hoá ẩm thực vùng núi cao phía Bắc*. Tc DTH số 1 (127). Tr. 22
4. Hoàng Ngọc La, Hoàng Hoa Toàn, Vũ Anh Tuấn, 2002. *Văn hoá dân gian Tày*. Sở văn hoá thông tin Thái Nguyên.
5. Đoàn Lư, 1997. *Lạ mà quen*. NXB Văn hoá dân tộc, H.
6. Lục Văn Páo, 1991. *Thành ngữ Tày, Nùng*. Nxb Khoa học xã hội, H.
7. Hoàng Quyết, Ma Khánh Bằng, 1993. *Văn hoá truyền thống Tày Nùng*. Nxb Văn hoá dân tộc, H.
8. Vương Xuân Tinh, 2004. *Tập quán ăn uống của người Việt vùng Kinh Bắc*. Nxb KHXH, H.
9. Viện nghiên cứu Hán Nôm, Sở Văn hoá Lạng Sơn, 1998. *Tục lệ Lạng Sơn*. NXB Văn hoá dân tộc, H.
10. Trần Quốc Vượng, Nguyễn Thị Bầy, 1999. *Về văn hoá ẩm thực Việt Nam*. Tạp chí Văn hoá nghệ thuật số 7.